TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 48, 05/12/2025

Đà lan tỏa cải thiện, khối ngoại bất ngờ mua ròng

Tiêu điểm:

- Dự đoán Fed cắt giảm lãi suất nhảy vọt 90%, Thị trường lao động Mỹ giảm mạnh trong tháng 11 khi khu vực tư nhân cắt 32,000 việc làm.
- Chỉ số PMI trong tháng 11 đạt 53,8 điểm, thấp hơn mức 54,5 điểm của tháng 10 nhưng vẫn nằm vững trên ngưỡng 50 điểm
- Đến 15/11/2025, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đã đạt hơn 801 tỷ USD (khoảng hơn 21 triệu tỷ đồng), cao nhất từ trước đến nay.
- NHHNN đã nâng lãi suất cho vay cầm cố giấy tờ có giá (OMO) lên mức 4.5%/năm từ mức 4%/năm duy trì xuyên suốt từ tháng 9/2025.

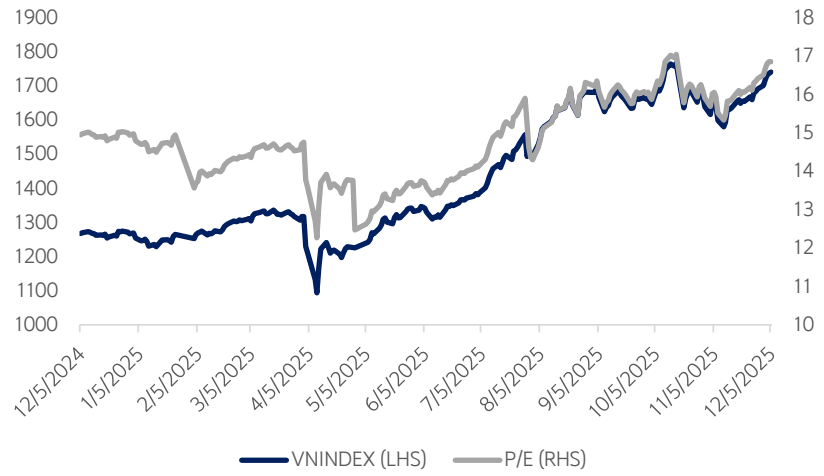
Đánh giá: Trong tuần qua, dòng tiền đã có dấu hiệu lan tỏa hơn khi các tin tức trong và ngoài nước phần nào hỗ trợ cho tâm lý thị trường. Đáng chú ý, việc lãi suất OMO tăng phản ánh tình trạng thiếu hụt thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng thời gian gần đây, khi lãi suất qua đêm cũng đã vọt lên mức 7%. Điều này lan tỏa sang cả lãi suất huy động dân cư khi nhiều ngân hàng bắt đầu rục rịch tăng lãi suất. Chúng tôi đánh giá việc thiếu thanh khoản hiện tại mang tính cục bộ, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm, trong bối cảnh toàn bộ nền kinh tế đang rất cần vốn để tăng trưởng. Tuy nhiên, vẫn cần theo dõi sát sao: nếu lãi suất qua đêm tiếp tục neo cao sang quý 1/2026, đây sẽ là tín hiệu rủi ro đáng lưu ý.

Góc nhìn kĩ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,741 điểm (+50.33 điểm; +2.98%) với thanh khoản thấp. Thị trường có dấu hiệu lan tỏa dòng tiền qua các nhóm ngành tốt hơn và khối ngoại đã có tuần mua ròng khoảng 1,000 tỷ đồng. Nhóm bất động sản (chủ yếu VIC) vẫn giữ nhịp tăng, nhưng điểm nhấn mới ở nhóm bán lẻ và ngân hàng. Thị trường nếu loại bỏ nhóm VIC thì vẫn chủ yếu đang giao dịch trong biên độ và chưa chuyển qua pha tăng.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ngắn hạn có thể giải ngân với nhóm có dòng tiền tham gia tốt như bán lẻ, khu công nghiệp, ngân hàng… Nhà đầu tư trung dài hạn có thể giải ngân với nhóm ngân hàng, bất động sản (ngoài nhóm VIC) khi nhiều cổ phiếu vẫn đang rẻ.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,741	3.0	5.2	4.5	37.5		16.9	2.1	292
Upcom Index	120	1.3	3.4	7.8	26.8		12.6	1.3	35
HNX Index	261	0.3	-2.3	-7.1	14.6		22.6	1.4	16
VN30 Index	1,976	2.7	4.7	7.0	46.9		17.0	2.4	206
S&P 500 Index	6,857	0.1	0.9	5.8	16.6		27.3	5.5	60,721
STOXX Europe 600 Index	580	0.5	1.3	5.5	14.2		16.5	2.3	17,454
Hang Seng	26,066	0.8	0.5	2.5	29.9		13.0	1.4	4,033
Nikkei 225	50,492	0.5	0.6	17.4	26.6		22.5	2.5	5,589
SHCOMP Index	3,903	0.4	-1.7	2.4	16.4			1.5	8,678
STI Index	4,522	0.0	2.4	5.0	19.4		13.7	1.5	523
KOSPI Index	4,100	4.4	2.4	27.9	70.9		17.9	1.3	2,194

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoang, CFA
(84-28) 5808 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Giá trị vốn hóa	**1W**	**1M**	**3M**	**YTD**	**1W**	**1M**	**3M**	**YTD**	**Current**	**Change**	**P/E**	**P/B**	**Vốn hóa (Tỷ VND)**
Large Cap	3.2	5.8	10.9	52.7	6.1	5.1	-26.6	-15.4	89.4	-0.4	18.0	2.5	7,102,367
Mid Cap	0.8	-1.0	-3.7	5.1	12.2	1.3	-35.0	-42.2	10.0	0.5	16.8	1.4	538,594
Small Cap	1.8	3.7	-0.2	7.5	-4.7	7.1	-12.6	-27.1	0.6	-0.1	21.6	0.8	67,562

Theo ngành

					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Tên ngành	**1W**	**1M**	**3M**	**YTD**	**1W**	**1M**	**3M**	**YTD**	**Current**	**Change**	**P/E**	**P/B**	**Vốn hóa (Tỷ VND)**
Bán lẻ	6.4	7.3	15.4	31.9	53.1	42.5	6.4	14.9	4.3	1.3	35.5	4.5	171,599
Bất động sản	5.8	19.8	46.4	188.2	-0.7	1.0	-31.0	-16.6	17.5	-1.3	39.9	3.2	2,020,980
Du lịch và Giải trí	4.8	16.5	21.9	205.6	10.6	47.5	46.4	128.8	3.8	0.1	31.9	8.9	396,980
Truyền thông	3.9	0.5	-10.1	-3.8	12.8	23.6	-42.5	-69.0	0.1	0.0	18.4	1.4	2,829
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	3.1	6.5	14.6	58.1	-4.7	4.9	-19.2	-8.8	6.7	-0.8	21.1	2.7	269,525
Ngân hàng	2.4	-0.6	-4.9	23.1	17.7	15.9	-26.5	-20.6	26.0	2.4	10.9	1.8	2,592,218
Dược và Y tế	2.0	0.6	0.2	-1.4	26.6	34.9	32.6	20.2	0.3	0.0	18.3	2.2	39,806
Tài nguyên cơ bản	1.6	2.0	-6.4	15.3	16.7	-20.3	-54.5	-46.6	4.1	0.4	17.5	1.6	251,337
Thực phẩm và đồ uống	1.5	3.1	2.3	6.3	22.3	20.5	-4.6	3.7	8.8	1.1	19.5	2.7	451,306
Hóa chất	0.9	-3.4	-4.1	-8.5	-3.0	-28.3	-24.1	-43.9	2.1	-0.2	18.1	1.9	211,671
Xây dựng và vật liệu	0.8	-0.2	-0.8	20.7	4.0	-1.4	-41.1	-33.2	4.9	-0.1	20.6	1.7	154,081
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6	1.6	5.3	-7.3	49.1	47.8	29.3	-7.1	0.9	0.2	12.9	1.7	58,724
Tài chính	0.5	-5.9	-18.8	25.9	-10.1	-5.9	-34.6	-25.2	14.5	-2.7	23.4	1.8	259,524
Tiện ích	0.5	0.7	-0.1	-0.3	19.4	27.1	8.4	-7.5	1.3	0.1	19.0	1.9	290,655
Bảo hiểm	0.0	-4.8	-8.8	1.4	6.3	-18.5	-25.3	-36.8	0.2	0.0	6.9	1.6	51,873
Công nghệ Thông tin	-0.8	-4.5	-5.5	-25.6	-2.6	-12.3	-44.0	-39.1	2.9	-0.3	21.0	4.4	180,563
Ô tô & Phụ tùng	-0.9	-6.0	-8.0	17.3	-2.6	-10.1	-64.3	-71.3	0.2	0.0	21.6	1.4	17,120
Dầu khí	-0.9	-5.6	-1.5	118.3	-16.9	-40.7	-40.5	-29.4	1.3	-0.4	38.1	1.6	134,300

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	20,370	68,829	96,225
Ấn độ	-1,069	-1,069	226	-17,228
Indonesia	127	127	1,639	-1,669
Nhật Bản*	4,198	6,310	53,867	49,508
Maylaysia	44	44	-873	-4,616
Hàn Quốc	552	552	-4,976	-5,351
Sri Lanka	-2	-2	-32	-122
Đài Loan	163	163	-13,314	-6,038
Thái Lan	113	113	-408	-3,289
Việt Nam	189	189	-920	-4,645

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,735**	-5.8	-14.5	-85.1	-507.0
Nước ngoài	**1,891**	-9.6	-25.2	-71.8	-389.6
VanEck Vectors Vietnam ETF	585	0.0	-3.6	-17.8	-48.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	461	-9.6	-18.7	-86.3	-340.6
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	360	0.0	-2.2	-4.6	-35.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	278	0.0	0.0	46.0	46.0
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	-0.7	-9.1	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**844**	3.9	10.7	-13.4	-117.4
DCVFMVN Diamond ETF	508	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	245	3.9	10.3	-5.9	-105.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	20	0.0	0.3	0.7	-4.3
MAFN VN30 ETF	34	0.0	-0.1	-8.7	-6.0
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-1.2
VinaCapital VN100 ETF	23	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	8	0.0	0.2	0.4	-0.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

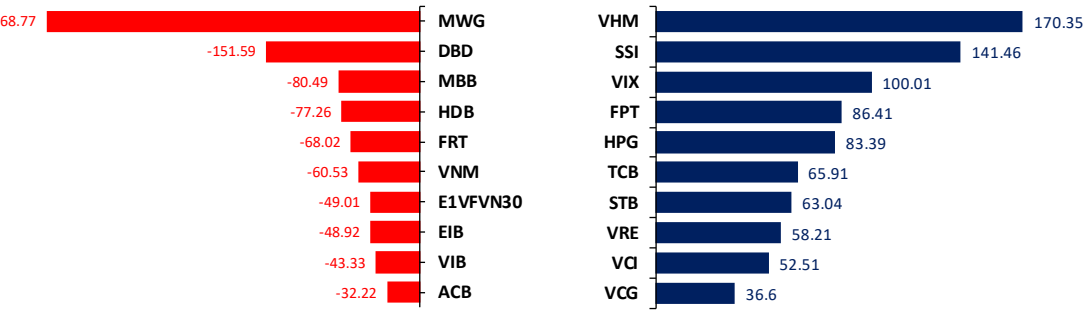
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

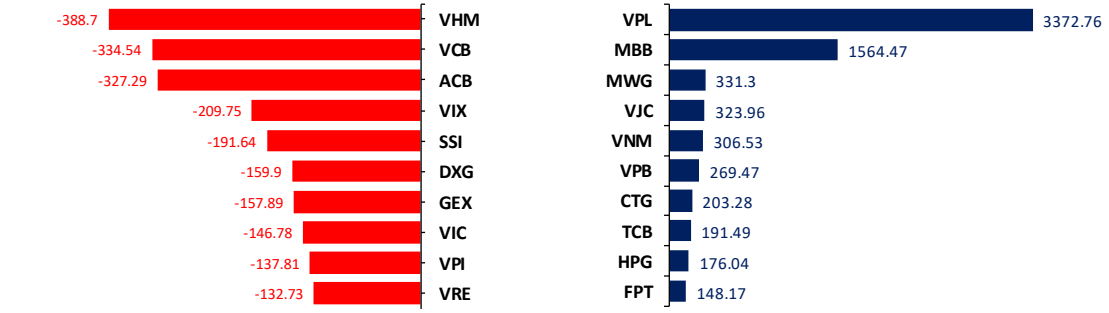
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	259	-932	-4,128	5,060
Tài nguyên Cơ bản	79	96	88	-184
Truyền thông	0	-1	-4	5
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1	-197	42	155
Y tế	-152	7	154	-162
Hóa chất	-5	33	-79	46
Dịch vụ tài chính	243	-211	192	20
Du lịch và Giải trí	-5	276	-27	-249
Ngân hàng	-164	1,685	-756	-929
Xây dựng và Vật liệu	21	-136	-24	160
Thực phẩm và đồ uống	-45	285	-307	22
Bán lẻ	-444	359	64	-423
Điện, nước & xăng dầu khí đố	15	117	-85	-32
Hàng cá nhân & Gia dụng	3	21	-30	9
Công nghệ Thông tin	89	157	134	-291
Ô tô và phụ tùng	-2	5	4	-9
Bảo hiểm	-1	-16	-5	21
Dầu khí	-4	4	128	-132
Tổng	-115	1,551	-4,639	3,088

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SVI	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.05 - 67.50	35.0	-20.7%
2	MSH	Hàng cá nhân & Gia dụng	25.17 - 41.87	33.8	-15.7%
3	LBM	Xây dựng và Vật liệu	25.75 - 42.60	35.8	-9.5%
4	SPM	Y tế	6.16 - 27.10	10.7	-7.4%
5	CDC	Xây dựng và Vật liệu	10.41 - 30.00	25.5	-6.6%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
34.3%	10.5	2.33 - 10.45	Xây dựng và Vật liệu	HID
31.3%	25.2	8.90 - 26.55	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTB
29.5%	11.8	8.10 - 95.00	Hóa chất	VPS
22.4%	8.6	3.66 - 8.63	Hóa chất	HII
21.4%	11.8	42.85 - 71.80	Hàng cá nhân & Gia dụng	TLG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.40 - 36.30	29.2	-18.7%
2	PGT	Du lịch và Giải trí	6.00 - 11.40	7.2	-16.3%
3	MAC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.99 - 17.67	13.0	-15.6%
4	HLC	Tài nguyên Cơ bản	10.20 - 19.90	15.0	-12.3%
5	PTI	Bảo hiểm	19.00 - 42.00	32.5	-10.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
59.4%	27.1	6.50 - 27.10	Công nghệ Thông tin	VTC
31.5%	9.6	7.30 - 21.90	Truyền thông	HEV
30.9%	25.0	14.00 - 27.70	Công nghệ Thông tin	POT
25.9%	27.2	15.00 - 29.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CTT
21.7%	18.5	11.50 - 18.80	Công nghệ Thông tin	CKV

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VTS	Xây dựng và Vật liệu	5.90 - 13.90	5.9	-39.8%
2	PIS	Tài nguyên Cơ bản	8.50 - 16.70	10.7	-35.9%
3	HES	Du lịch và Giải trí	11.20 - 28.50	12.0	-35.5%
4	CT6	Tiêu dùng không thết yếu	7.20 - 12.90	9.1	-26.6%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	33.00 - 70.00	47.9	-24.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
81.8%	12.0	6.60 - 13.90	Xây dựng và Vật liệu	PCM
51.1%	21.0	11.10 - 21.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	BEL
47.6%	6.2	4.20 - 9.80	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PND
47.2%	24.0	16.10 - 24.10	Thực phẩm và đồ uống	CAT
39.5%	11.3	8.10 - 11.30	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	BNW

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	Bán lẻ	645.7	699.5	76.8	3.65 - 5.73	7.3
2	SAB	SABECO	Thực phẩm và đồ uống	122,621.2	470.2	49.8	41.50 - 58.50	7.3
3	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	61,902.8	305.6	67.4	42.85 - 71.80	21.4
4	PC1	Tập đoàn PC1	Xây dựng và Vật liệu	83,092.6	237.1	23.1	16.00 - 28.26	6.5
5	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	1,348.6	232.9	50.3	42.00 - 64.50	-1.0
6	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6,837.9	143.0	30.0	26.20 - 37.10	0.2
7	BAF	Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	78,346.4	142.1	34.5	24.70 - 38.80	9.4
8	ACG	Gỗ An Cường	Tài nguyên Cơ bản	1,630.9	141.8	35.5	32.60 - 43.00	-0.6
9	FIT	Tập đoàn F.I.T	Dịch vụ tài chính	11,028.5	126.3	5.2	3.84 - 5.59	8.6
10	DVP	ĐT và PT Cảng Đình Vũ	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	912.7	117.1	67.5	21.00 - 90.00	-0.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

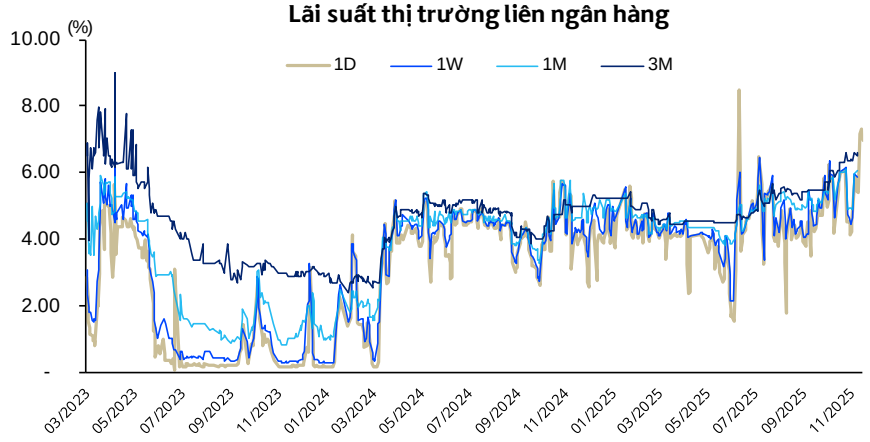
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	98.93	-0.5	-1.3	1.2	-8.8	
VND/USD	26,363	0.0	0.2	-0.1	3.4	
KRW/USD	1,471.15	0.3	2.1	6.1	-0.1	
JPY/USD	154.76	-0.9	0.4	5.0	-1.6	
EUR/USD	0.86	-0.5	-1.4	0.5	-11.2	
SGD/USD	1.30	-0.1	-0.9	0.8	-5.2	
CNY/USD	7.07	-0.1	-0.8	-0.9	-3.1	

Hàng hóa

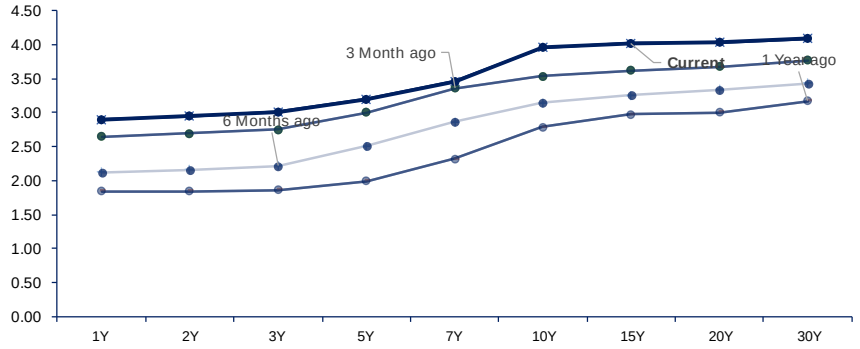
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	59.67	1.9	0.1	-3.6	-16.8	
Xăng	183.36	-3.3	-4.0	-6.6	-8.4	
Gas	5.05	4.2	19.4	65.8	39.1	
Than	110.00	-1.0	0.0	2.3	-12.2	
Vàng	4,224.97	-0.3	6.2	17.8	61.0	
Bạc	58.28	3.2	21.4	42.1	101.7	
Platinum	1,667.16	-0.2	6.7	20.9	83.7	
Quặng sắt	107.88	3.1	3.2	3.2	4.1	
Thép cán	3,308.00	0.3	0.4	-2.7	-4.7	
Lúa mì	541.00	2.3	-1.7	7.7	-1.9	
Ngô	437.75	1.4	1.4	9.5	-4.5	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.90	2.95	3.01	3.20	3.46	3.95	4.02	3.62	3.25
Thay đổi (WoW)	3.80	5.00	4.20	1.40	2.80	6.20	5.30	5.00	4.90

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Danh sách cổ phiếu theo dõi

Danh sách theo dõi						
STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	PNJ	91.6	97	89	5.9%	PNJ có xu hướng cải thiện tốt trên MA 50. Giai đoạn cuối năm và giá vàng đang tăng cũng hỗ trợ cho dòng tiền tham gia PNJ
2	KDH	33.95	38.9	33.3	14.6%	KQKD tăng trưởng mạnh mẽ trong Q3 2025. Dòng tiền tham gia mạnh mẽ có động lượng mạnh hơn thị trường chung
3	CTG	51.5	57	51	10.7%	Dòng tiền có dấu hiệu chú ý và neo giữ ở CTG tốt hơn trung bình ngành ngân hàng.
4	FPT	96.2	112	96	16.4%	Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm
5	SIP	55.2	66.7	58	20.8%	Dòng tiền đổ vào KCN, và có sức mạnh động lượng tốt hơn thị trường chung
6	GAS	64	70	62	9.4%	Dòng tiền tham gia mạnh mẽ với giá cải thiện đáng kể trên MA 50. GAS hưởng lợi mạnh mẽ từ khối lượng công việc lớn từ khí LNG

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.